

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2019/HNGĐ- ST**

Ngày : 28-11-2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Đình Quảng**

2. Ông **Đỗ Đức Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 201/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị C**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Trần Huy H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị C có mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Trần Huy H quen biết nhau và tìm hiểu khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý, chung sống tự nguyện. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/4/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do chị C trình bày do bất đồng về quan điểm sống, tình cảm, công việc và kinh

tế. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh H còn đánh đập chị rồi bỏ đi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là trong năm 2018 anh H ghen tuông nên tiếp tục đánh đập và đốt đồ đạc của chị dẫn đến vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Huy H.

Về con chung: Chị C trình bày quá trình chung sống chị và anh Trần Huy H có hai con chung là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 13/02/2011 và Trần Phạm Đăng K, sinh ngày 26/10/2014. Nay ly hôn chị C đồng ý giao hai con cho anh H trực tiếp nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi vì lý do chị C chưa có chỗ ở, công việc ổn định. Chị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C trình bày tự thỏa thuận với anh Trần Huy H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C trình bày quá trình chung sống chị và anh Trần Huy H không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2019 và lời khai khác tại Tòa án, bị đơn anh Trần Huy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Phạm Thị C có thời gian quen nhau khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B như chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc, có mâu thuẫn. Chị C thường xuyên bỏ nhà đi chơi với bạn bè, không quan tâm chăm sóc chồng con. Có lần chị C bỏ đi cả 06 tháng mới về nhà. Khoảng 01 năm nay vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh H vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi các con nên đề nghị Tòa án hòa giải tác động để vợ chồng tiếp tục về chung sống với nhau.

Về con chung: Anh H thừa nhận anh và chị Phạm Thị C có hai con chung tên là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 13/02/2011 và Trần Phạm Đăng K, sinh ngày 26/10/2014. Nếu phải ly hôn anh H yêu cầu được nuôi hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H trình bày anh và chị Phạm Thị C tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày anh và chị Phạm Thị C không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/10/2019 nhưng không được. Lý do chị C có mặt, không đề nghị hoãn phiên họp, phiên hòa giải, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa, anh H có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp về chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên ý kiến của mình, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị C và anh H được ly hôn, về con chung cần giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, chị C không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí cần buộc chị C phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Huy H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị C và anh Trần Huy H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/4/2010. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Việc phát sinh mâu thuẫn đều được chị C và anh H thừa nhận. Chị C cho rằng do bất đồng về quan điểm sống, tình cảm, công việc và kinh tế nên thường xuyên cãi vã nhau, anh H còn đánh đập chị rồi bỏ đi. Anh H cho rằng chị C thường bỏ nhà đi chơi không quan tâm chăm sóc chồng con. Cả hai thừa nhận đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng anh H không có mặt nên không thể hòa giải đoàn tụ, chị C vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị C và anh H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

- *Về con chung:* Căn cứ lời khai của chị Phạm Thị C và anh Trần Huy H, các giấy khai sinh chị C giao nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống hai người có hai con chung tên là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 13/02/2011 và Trần Phạm Đăng K, sinh ngày 26/10/2014. Từ khi ly thân đến nay anh H đang trực tiếp nuôi con chung và đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị C và anh H cũng thống nhất tiếp tục giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận nuôi con của cả hai phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, để đảm bảo sự phát triển lành

mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 13/02/2011 và Trần Phạm Đăng K, sinh ngày 26/10/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Anh H không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị C và anh Trần Huy H thống nhất tự thỏa thuận và không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Chị Phạm Thị C và anh Trần Huy H thống nhất trình bày không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Đây là vụ án dân sự không có giá ngạch, cần buộc nguyên đơn chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 226 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị C đối với anh Trần Huy H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị C và anh Trần Huy H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Phạm Anh T, sinh ngày 13/02/2011 và Trần Phạm Đăng K, sinh ngày 26/10/2014 cho anh Trần Huy H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Phạm Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0013126 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

